

Bản án số: 48/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Kim Linh

2/ Ông Huỳnh Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T tham gia phiên tòa:

Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích T - sinh năm 1989;

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố N P, phường N T, T phố Tây N, tỉnh Tây N.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Vũ L - sinh năm 1992;

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Thanh B, xã An B, huyện Châu T, tỉnh Tây N.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 02 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày: Chị và anh L chung sống vào đầu năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An B, huyện Châu T, tỉnh Tây N. Thời gian vợ chồng sống chung hạnh P đến tháng 7 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh L đánh chửi chị khi chị không làm gì sai, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, nay không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y- sinh ngày 30/12/2018, chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng .

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, vợ chồng không nợ chung.

Đối với anh Nguyễn Vũ L là bị đơn, Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng theo quy định, nhưng anh L không trình bày Y kiến của mình đối với yêu cầu của chị T, cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án, nên không có Y kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T phát biểu Y kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự, những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Nghị quyết số 326 về án phí lệ phí: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về con chung giao cho chị T nuôi con, anh L không phải cấp dưỡng, vì chị T không yêu cầu. Tài sản chung, chị T không yêu cầu, nợ chung khai không có, nên không đặt ra giải quyết, chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bích T là nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đối với anh Nguyễn Vũ L là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định, nhưng anh L vắng mặt không có lý do, nên cần áp dụng vào Điều 228, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị T và anh L.

[2]. Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Vũ L chung sống với nhau vào năm 2018, đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã An B, huyện Châu T, tỉnh Tây N, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình vợ chồng sống chung theo chị T đến tháng 7 năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, năm 2019 vợ chồng sống ly thân đến nay, chị T xác định không hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn với anh L.

Đối với anh Nguyễn Vũ L, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh L không gửi văn bản ghi Y kiến của mình đối với yêu cầu của chị T cũng không đến Tòa án tham gia phiên họp và phiên tòa, nên không có Y kiến.

Theo chị T vợ chồng mâu thuẫn không hàn gắn được, chị kiên quyết xin được ly hôn với anh L. Như vậy, giữa chị T và anh L xảy ra mâu thuẫn từ tháng 7 năm 2018, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay phù hợp biên bản xác minh tại địa phương, anh L không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở phù hợp.

[3]. Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y- sinh ngày 30/12/2018, hiện đang sống chung với chị T. Y kiến chị T yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng, nên cần giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng do chị T không yêu cầu cấp dưỡng, nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai có quyền cản trở.

[4]. Tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, chị T khai không nợ chung, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp.

[6]. Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 /12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Xin ly hôn” của chị Nguyễn Thị Bích T đối với anh Nguyễn Vũ L.

Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Vũ L được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Bích T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y - sinh ngày 30/12/2018.

Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu.

Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai có quyền cản trở.

3. Tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, chị T khai không nợ chung, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006721 ngày 14/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, chị T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây N trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.